

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành GDĐT năm 2026. Nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quản triệt và thực hiện nghiêm túc các văn bản, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số gắn với thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, đề án, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành GDĐT; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển kinh tế số và xã hội số.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch công trực tuyến thuộc lĩnh vực GDĐT.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

Nâng cao năng lực thể chế hóa chính sách, nhiệm vụ, lãnh đạo chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số. Kiện toàn, phát triển nhân lực chuyển đổi số trong ngành GDĐT.

2. Yêu cầu

Nhiệm vụ chuyển đổi số được triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm hiệu quả, đúng thời gian và bám sát sự chỉ đạo của Bộ GDĐT, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác chuyển đổi số.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong các đơn vị quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, từng bước hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong năm 2026.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác chuyển đổi số; kiên quyết xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định của Đảng, Nhà nước, ngành GDĐT trong công tác chuyển đổi số.

II. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

(Phụ lục đính kèm)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, đồng thời chủ động rà soát, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện tại đơn vị; báo cáo kết quả thực hiện về Sở GDĐT *(qua Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin)* **trước ngày 10/11/2026**.

2. Phòng Tài chính hướng dẫn các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc Sở lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chuyển đổi số để triển khai thực hiện Kế hoạch này đúng quy định của Nhà nước.

3. Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin đôn đốc, theo dõi, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện cho Giám đốc Sở và các cơ quan chức năng theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo Lãnh đạo Sở *(qua Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin)* để kịp thời điều chỉnh, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (phối hợp);
- UBND xã/phường/đặc khu (phối hợp);
- Giám đốc Sở GDĐT (báo cáo);
- Các PGĐ Sở GDĐT (để biết);
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLCLGDCNTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đoàn Thành Nhân

Phụ lục
TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDT, ngày 30/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung công việc	Kết quả công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Công tác chỉ đạo, điều hành				
1	Ban hành các văn bản về thực hiện công tác chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin năm 2026	- Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026. - Ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin tại các cơ sở giáo dục trực thuộc năm 2026.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin	Các phòng thuộc Sở	Quý I/2026
		Ban hành các văn bản hướng dẫn, phối hợp thực hiện công tác chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin theo chỉ đạo của Bộ GDĐT, UBND tỉnh.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin	Các phòng thuộc Sở	Thường xuyên
		Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo của Sở GDĐT tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin	Các phòng thuộc Sở	Quý I/2026
		Ban hành Kế hoạch truyền thông về công tác chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin năm 2026.	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Quý I/2026
2	Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh	Thực hiện theo quy định.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Quý II/2026
3	Triển khai tự đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ quan Sở GDĐT	Thực hiện theo quy định.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin	- Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Quý II/2026

TT	Nội dung công việc	Kết quả công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Rà soát, ban hành, cập nhật các Quy chế, quy định quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý	- Ban hành Quy chế quản lý, vận hành các hệ thống thông tin như: quản trị nhà trường, dạy và học trực tuyến, thư viện trực tuyến, học bạ số, CSDL ngành, mail công vụ, Cổng/Trang thông tin điện tử, hệ thống quản trị nhà trường, ... - Ban hành Quy chế, quy định, phương án đảm bảo an toàn thông tin tại đơn vị.	Các phòng thuộc sở	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các cơ sở giáo dục.	Thường xuyên
II	Nhận thức số				
1	Truyền thông chuyển đổi số trên môi trường đa nền tảng, huy động nguồn lực truyền thông xã hội trong truyền thông chuyển đổi số, ...	- Tuyên truyền các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, ngành; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số; sử dụng dịch vụ công trực tuyến. - Chủ động tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số dưới nhiều hình thức (<i>cuộc thi, video, poster, tài liệu tuyên truyền; kênh truyền thông trực tuyến trên các phương tiện, nền tảng số, kênh truyền thông trực tiếp; lồng ghép với các hoạt động của các ngành ...</i>). - Tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân...	Văn phòng Sở; Phòng Giáo dục thường xuyên và Công tác học sinh, sinh viên	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Thường xuyên
2	Tuyên truyền, phổ biến,	Mô hình, sáng kiến được triển khai	Các phòng thuộc Sở	- UBND các	Thường xuyên

TT	Nội dung công việc	Kết quả công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	nhân rộng những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số.	tại cơ quan, đơn vị.		xã/phường/đặc khu; - Các cơ sở giáo dục.	
3	Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026.	Tổ chức triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026.	Phòng Giáo dục thường xuyên và Công tác học sinh, sinh viên.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Thường xuyên
4	Hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức cài đặt và sử dụng các ứng dụng trên nền tảng di động phục vụ hoạt động công vụ trên địa tỉnh Quảng Ngãi.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GDĐT cài đặt và sử dụng các ứng dụng trên nền tảng di động phục vụ hoạt động công vụ trên địa tỉnh Quảng Ngãi đạt 100%.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Thường xuyên
5	Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	- Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. - Thường xuyên cập nhật thông tin trên chuyên mục “Chuyển đổi số” của cơ quan, đơn vị.	Văn phòng Sở.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Thường xuyên
III	Nhân lực số				
1	Chủ động chuẩn hóa đội ngũ, đảm bảo nguồn nhân lực công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị phục vụ cho triển khai chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin	Bố trí, phân công cán bộ, công chức, viên chức đủ năng lực làm công tác chuyên trách, kiêm nhiệm công tác chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin tại cơ quan, đơn vị.	Phòng Tổ chức cán bộ.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các cơ sở giáo dục.	
2	Bồi dưỡng kỹ năng số	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức	Phòng Tổ chức cán bộ.	- UBND các xã/phường/đặc khu;	Năm 2026

TT	Nội dung công việc	Kết quả công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	căn bản, AI cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GDĐT.	thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GDĐT được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản, AI đạt 100%.		- Các cơ sở giáo dục.	
3	Triển khai phổ cập kỹ năng số cho học sinh tiểu học.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục tiểu học có kế hoạch và triển khai hoạt động phổ cập kỹ năng số (theo khung năng lực số) cho học sinh tiểu học đạt 100%.	Phòng Giáo dục Mầm non và Tiểu học	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
4	Triển khai phổ cập kỹ năng số cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông	Tỷ lệ cơ sở giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông có kế hoạch và triển khai hoạt động phổ cập kỹ năng số (theo khung năng lực số) cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt 100%.	Phòng Giáo dục Trung học.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
5	Triển khai phổ cập kỹ năng số cho học sinh, học viên giáo dục thường xuyên.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục thường xuyên có kế hoạch và triển khai hoạt động phổ cập kỹ năng số (theo khung năng lực số) cho học sinh, học viên giáo dục thường xuyên đạt 100%.	Phòng Giáo dục thường xuyên và Công tác học sinh, sinh viên.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
6	Triển khai thí điểm giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông.	- Triển khai thực hiện nội dung giáo dục AI cho học sinh phổ thông nhằm góp phần hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi của người học, bao gồm: năng lực số, năng lực AI, năng lực tin học, năng lực công nghệ, năng lực tự học và năng lực giải quyết vấn đề. - Trang bị cho học sinh kiến thức nền tảng và kỹ năng vận dụng cơ bản về	Phòng Giáo dục Trung học.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026

TT	Nội dung công việc	Kết quả công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		AI, đồng thời hình thành các phẩm chất cần thiết trong việc sử dụng AI một cách an toàn, có trách nhiệm trong học tập và đời sống; qua đó chuẩn bị cho học sinh sẵn sàng tham gia môi trường số trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.			
IV	Hạ tầng số				
1	Đầu tư, tăng cường trang bị, nâng cấp máy tính, thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin tại cơ quan, đơn vị.	Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.	Phòng tài chính.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
2	Trang bị bảo mật (chứng chỉ SSL) cho các hệ thống của cơ quan, đơn vị; nâng cấp IPv6; đăng ký tín nhiệm mạng.	Đối với các hệ thống của cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành (Cổng/Trang thông tin điện tử,: Thực hiện trang bị bảo mật (chứng chỉ SSL) cho hệ thống (Chuyển từ HTTP:... thành HTTPS:...); nâng cấp từ IPv4 thành IPv6; đăng ký tín nhiệm mạng.	Văn phòng Sở.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
3	Trang bị thiết bị bảo mật, phần mềm bảo mật đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng tại cơ quan, đơn vị.	- Trang bị thiết bị bảo mật: SOPHOS, CISCO, ... - Phần mềm bảo mật: Bkav Endpoint,	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026

TT	Nội dung công việc	Kết quả công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Đảm bảo hệ thống mạng nội bộ (LAN) tại cơ quan, đơn vị hoạt động thông suốt và an toàn thông tin.	Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; đảm bảo hệ thống mạng nội bộ LAN tại cơ quan, đơn vị hoạt động thông suốt và an toàn thông tin.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
5	Tiếp tục triển khai Hệ thống quản lý, tuyển sinh đầu cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Quản lý quy trình; đăng ký trực tuyến; tra cứu trực tuyến thông tin; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Hệ thống tuyển sinh trực tuyến tỉnh Quảng Ngãi.	Phòng Giáo dục trung học.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
V	Dữ liệu số				
1	Hoàn thành công tác số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.	Thực hiện theo quy định.	Văn phòng Sở.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
2	Cung cấp dữ liệu mở; Cung cấp dữ liệu IOC.	- Cung cấp dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp và nghiên cứu theo quy định. - Cung cấp dữ liệu trên Hệ thống IOC tỉnh.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
3	Cung cấp dữ liệu phục	Cung cấp dữ liệu theo Quyết định số	Các phòng thuộc Sở	- UBND các	Năm 2026

TT	Nội dung công việc	Kết quả công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	vụ công tác chỉ đạo điều hành	338/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh.		xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	
4	Triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành GDĐT trên địa bàn tỉnh	- Triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành GDĐT trên địa bàn tỉnh. - Thực hiện tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
5	Rà soát, cập nhật thông tin, đồng bộ, xác thực hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trên CSDL ngành GDĐT với CSDLQGvDC	Cập nhật, đồng bộ, xác thực hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trên Hệ thống CSDL ngành GDĐT.	Văn phòng Sở.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
6	Triển khai Học bạ số cấp tiểu học.	Triển khai Học bạ số cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Phòng Giáo dục Mầm non và Tiểu học.	- UBND các xã, phường, đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Năm 2026
7	Triển khai Học bạ số cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên.	Triển khai Học bạ số cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Phòng Giáo dục trung học.	- UBND các xã, phường, đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Năm 2026
8	Số hóa dữ liệu văn bằng chứng chỉ đã cấp.	Dữ liệu bằng tốt nghiệp THPT cấp từ 1985, chứng chỉ các loại do Sở GDĐT cấp và do các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý của Sở GDĐT cấp; dữ liệu bằng tốt nghiệp THCS và các văn bằng, chứng chỉ khác từ sổ gốc do Sở GDĐT quản lý.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin.	- UBND các xã, phường, đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Theo Kế hoạch của Bộ GDĐT

TT	Nội dung công việc	Kết quả công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
9	Triển khai thí điểm văn bằng số.	Triển khai thí điểm tạo lập văn bằng số trên Hệ thống thí điểm văn bằng số do Bộ GDĐT cung cấp.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin	- UBND các xã, phường, đặc khu; - Các cơ sở giáo dục; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Theo Kế hoạch của Bộ GDĐT
10	Xây dựng và hoàn thiện kho học liệu số.	Tiếp tục triển khai xây dựng và hoàn thiện kho học liệu số đối với giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên nhằm bảo đảm duy trì các hoạt động dạy học ở các CSGD trong bối cảnh CDS hoặc trong điều kiện dịch bệnh diễn ra phức tạp, góp phần hoàn thành chương trình, kế hoạch các năm học.	Các phòng: Giáo dục mầm non, Giáo dục trung học, Giáo dục thường xuyên.	- UBND các xã, phường, đặc khu; - Các cơ sở giáo dục; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Thường xuyên
11	Phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Sở GDĐT, các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên triển khai đăng ký chữ ký số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh được xem xét, cấp ký số để thực hiện ký học bạ số và các loại hồ sơ khác.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
VI	Kinh tế số và Xã hội số				
1	Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.	Tỷ lệ triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh đạt 100%.	Phòng Tài chính	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
2	Thực hiện chi ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số, an toàn thông tin đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.	Thực hiện theo quy định.	Phòng Tài chính.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026

TT	Nội dung công việc	Kết quả công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
VII	An toàn thông tin mạng				
1	Triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác chuyển đổi số, an toàn thông tin.	Thực hiện kiểm tra công tác chuyển đổi số, an toàn thông tin.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin.	- Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
2	Phối hợp với Công an tỉnh rà soát, kiểm tra, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đối với Hệ thống thông tin của đơn vị chưa được phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt.	Hệ thống thông tin của cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc Sở được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin. Mục tiêu 100%.	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin.	- Công an tỉnh; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
3	Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin đối với Hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.	Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin đối với Hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt cấp độ (cấp độ 1, cấp độ 2, ...).	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin.	- Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
4	Triển khai cài đặt phần mềm bảo mật cho các máy tính thực hiện công vụ tại cơ quan, đơn vị.	Phần mềm bảo mật: Bkav Endpoint,	Phòng Quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin.	- Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Năm 2026
5	Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin.	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin.	Phòng Giáo dục thường xuyên và Công tác học sinh, sinh viên.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Thường xuyên
6	Triển khai giải pháp sẵn	Triển khai giải pháp sẵn sàng phục	Phòng Quản lý chất	- UBND các xã/phường/đặc khu;	Thường xuyên

TT	Nội dung công việc	Kết quả công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	sàng phục hồi hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp.	hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ (100% đơn vị đảm bảo triển khai).	lượng giáo dục và Công nghệ thông tin	- Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	
VIII	Chính quyền số				
1	Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, chất lượng cung cấp và hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	- Tuyên truyền, phổ biến nội dung, cách thức thực hiện DVCTT. - Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần đạt 80%. - Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính đạt 100%. - Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%. - Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%. - Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 95%.	Văn phòng Sở.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Thường xuyên
2	Hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc tại Sở GDĐT đạt 100%.	Văn phòng Sở.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Thường xuyên

TT	Nội dung công việc	Kết quả công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
3	Thường xuyên rà soát, đăng ký chữ ký số cá nhân cho công chức tại cơ quan Sở GDĐT.	Đảm bảo 100% công chức tại cơ quan Sở GDĐT có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc tại Sở	Văn phòng Sở.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Thường xuyên
4	Thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo	Tỷ lệ chế độ báo cáo của cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo đạt 100%	Văn phòng Sở.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Thường xuyên
5	Triển khai trao đổi, xử lý văn bản mật trên mạng mật của Trung ương.	Tỷ lệ các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh triển khai trao đổi, xử lý văn bản mật trên mạng mật của Trung ương đạt 100%.	Văn phòng Sở.	- UBND các xã/phường/đặc khu; - Các phòng thuộc Sở; - Các cơ sở giáo dục.	Thường xuyên

DANH MỤC ĐĂNG KÝ KINH PHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT, ngày /01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Sự cần thiết	Quy mô	Khái toán	Chủ trương	Ghi chú
	KINH PHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ	20,372					
I	Văn phòng Sở	4,920					
1	Chỉnh lý, số hoá tài liệu lưu trữ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	2000	Trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh xây dựng Chính phủ số, nền hành chính số và chuyển đổi số quốc gia, việc chỉnh lý và số hoá tài liệu lưu trữ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính là nhiệm vụ cấp thiết: Đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; tăng cường tính minh bạch, công khai trong phục vụ người dân và tổ chức; nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm thời gian và chi phí; đảm bảo an toàn thông tin và bảo tồn tài liệu lâu dài	Chỉnh lý, số hoá tài liệu lưu trữ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan Sở GDĐT	2000	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Kinh phí tăng từ 1200 triệu đồng lên 2000 triệu đồng. Lý do: Theo Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023, nguồn kinh phí thực hiện ước tính là 2000 triệu đồng.
2	Triển khai hệ thống quản lý trường học: Xác thực thông tin giáo viên; cho phép giáo viên đăng nhập bằng tài khoản VNeID (SSO); Quản lý điểm, lịch học... trên phạm vi toàn tỉnh	920	Thực hiện theo chỉ đạo từ Đề án 06. Giúp người dùng (CBQL/GV) chỉ cần sử dụng một tài khoản duy nhất (SSO) là VneID để đăng nhập vào hệ thống Quản lý trường học một cách nhanh chóng, bảo mật, thuận tiện. Nâng cao giá trị của tài khoản VneID	Triển khai đến 100% các cơ sở giáo dục trên toàn tỉnh (936 cơ sở) và đến 100% giáo viên/cán bộ quản lý toàn tỉnh; Theo đơn giá 01 user từ C06, tổng dự	920	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục	

				toán cho 33126 user: 920 triệu đồng.		vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án 06). - Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện các mô hình của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 – 2025 và những năm tiếp theo.	
3	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử	2000	Việc nâng cấp và xây dựng Cổng thông tin điện tử liên thông, thống nhất sẽ giúp chuẩn hóa hạ tầng và nền tảng truyền thông số của toàn ngành; bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời; hỗ trợ kết nối dữ liệu với Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và Cơ sở dữ liệu giáo dục. Đây là yêu cầu tất yếu nhằm đáp ứng nhiệm vụ chuyển đổi số, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và hiện đại hóa công tác quản lý giáo dục.	Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở GDĐT, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.	2000	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Kinh phí thực hiện: Theo Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023, kinh phí triển khai 100% các cơ sở giáo dục trên toàn tỉnh năm 2026 ước tính là 1000 triệu đồng. Tuy nhiên sau sáp nhập, số cơ sở giáo dục tăng từ 583 cơ sở lên 936 cơ sở. Do đó, kinh phí cần đủ để thực hiện ước tính là 2000 triệu đồng.
II	Phòng GDMNTH	2,502					
1	Thực hiện đại trà Học bạ số cấp tiểu học.	1956					
1.1	Tập huấn/Hội thảo triển khai Học bạ số cấp tiểu học.	64	Trang bị kỹ năng thực hành sử dụng phần mềm học bạ số cho giáo viên, CBQL; đảm bảo thống nhất quy trình nhập liệu, lưu trữ, khai thác và bảo mật dữ liệu học sinh.	Đại diện giáo viên cốt cán các cơ sở giáo dục tiểu học; 3 lớp x 2 ngày/lớp	64	- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;	

						- Công văn số 119/BGDĐT-GDTH ngày 10/01/2025 của BGDĐT hướng dẫn thực hiện Học bạ số cấp tiểu học; - Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của BGDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; - Kế hoạch số 05/KHHĐ ngày 20/7/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; - Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.	
1.2	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với phần mềm học bạ số cho các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh	1892	Bảo đảm hệ thống học bạ số vận hành ổn định, an toàn dữ liệu; đáp ứng yêu cầu lưu trữ lâu dài và đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.	Học sinh lớp 2,3,4,5 trên toàn tỉnh; Kinh phí :172000 học sinh (lớp 2,3,4,5) x 11000đ / học sinh = 1892 triệu đồng	1892	- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; - Công văn số 119/BGDĐT-GDTH ngày 10/01/2025 của BGDĐT hướng dẫn thực hiện Học bạ số cấp tiểu học; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của BGDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học	

						bạ số; - Kế hoạch số 05/KHHĐ ngày 20/7/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; - Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.	
2	Tập huấn công tác chuyển đổi số	546	Giúp CBQL, giáo viên nắm vững nội dung, kỹ năng, công cụ trong chuyển đổi số giáo dục; nâng cao năng lực sử dụng học liệu số, AI, an toàn thông tin và giáo dục công dân số.	Giáo viên cốt cán các trường tiểu học, mầm non toàn tỉnh	546	- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; - Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.	
2.1	Tập huấn nâng cao năng lực xây dựng học liệu số và quản lý, dạy học an toàn trong môi trường số cho đội ngũ giáo viên tiểu học cốt cán	64	Bồi dưỡng năng lực thiết kế học liệu số và bảo đảm an toàn khi dạy học trực tuyến; đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình GDPT 2018 trong môi trường số.	Giáo viên cốt cán các trường tiểu học toàn tỉnh; (3 lớp x 2 ngày/ lớp 50 người/lớp)	64	Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 05/KHHĐ ngày 20/7/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày	

						19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025	
2.2	Tập huấn hướng dẫn khai thác và sử dụng công nghệ AI an toàn, hiệu quả cho cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán cấp tiểu học	130	Giúp CBQL, GV hiểu và ứng dụng công cụ AI hỗ trợ dạy học, quản lý học sinh; hướng dẫn đạo đức, an toàn khi sử dụng AI trong môi trường giáo dục.	Giáo viên các trường tiểu học toàn tỉnh; (5 lớp x 50 người/lớp x 2 ngày)	130	Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 05/KHHĐ ngày 20/7/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025	
2.3	Tập huấn nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học	130	Giúp giáo viên tích hợp, triển khai nội dung công dân số trong chương trình giáo dục tiểu học; hình thành ý thức sử dụng mạng an toàn, có trách nhiệm cho học sinh.	Giáo viên các trường tiểu học toàn tỉnh (5 lớp x 50 người/lớp x 2 ngày)	130	Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp tiểu học; xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường nhằm phát triển năng lực số cho học sinh theo hướng dẫn tại Công văn	

						3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025; Kế hoạch số 05/KHHĐ ngày 20/7/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025	
2.4	Tập huấn nâng cao năng lực xây dựng học liệu số và quản lý, dạy học an toàn trong môi trường số cho đội ngũ giáo viên mầm non cốt cán	222	Giúp CBQL, giáo viên nắm vững nội dung, kỹ năng, công cụ trong chuyển đổi số giáo dục; nâng cao năng lực sử dụng học liệu số, an toàn thông tin và giáo dục công dân số	Giáo viên mầm non cốt cán trong tỉnh (8 lớp x 50 người/lớp x 2 ngày)	222	Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 05/KHHĐ ngày 20/7/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025	
III	Phòng GDTrH	2,700					
1	Tuyển sinh các lớp đầu cấp	1200	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số,	Các cơ sở giáo dục phổ thông	1200	- Quyết định 406/QĐ-TTg ngày 22/03/2021 của Thủ tướng Chính	

			đặc biệt theo các quy định tại Nghị định 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và Quyết định 131/QĐ-TTg về chuyển đổi số ngành Giáo dục, việc triển khai tuyển sinh trực tuyến trở thành yêu cầu tất yếu. Tuyển sinh trực tuyến giúp giảm thời gian, chi phí của phụ huynh; đảm bảo công khai, minh bạch; chống gian lận; nâng cao hiệu quả quản lý; hình thành cơ sở dữ liệu học sinh đầu vào đầy đủ, chính xác và đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành. Do đó, việc tổ chức tuyển sinh các lớp đầu cấp theo hình thức trực tuyến là hết sức cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, góp phần thực hiện hiệu quả chuyển đổi số và cải cách hành chính trong ngành.	(tuyển sinh vào lớp 10) trên địa bàn tỉnh		phù về Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2021; - Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030”; - Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.	
2	Học bạ số cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên	1500	Triển khai học bạ số thí điểm tại cấp THCS, THPT và GDTX là nhiệm vụ cần thiết nhằm hiện đại hóa công tác quản lý hồ sơ học sinh; bảo đảm dữ liệu học tập được số hóa đầy đủ, chính xác, liên thông và đồng bộ; tăng tính minh bạch, đáp ứng nhu cầu tra cứu của phụ huynh, học sinh	Các cơ sở giáo dục phổ thông (THCS, THPT, GDTX) trên địa bàn tỉnh	1500	- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030”; - Chỉ thị 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; - Công văn 1458/BGDĐT ngày	

						02/04/2025 của Bộ GDĐT; - Tài liệu Kỹ thuật đặc tả Học bạ số thi điểm cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên (ban hành kèm theo Công văn số 115/BGDĐT-GDTrH ngày 10/01/2025 của Bộ GDĐT); - Công văn số 1997/UBND-KGVX ngày 10/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai học bạ số; - Kế hoạch số 1198/KH-BGDĐT ngày 14/8/2025 của Bộ GDĐT về Kế hoạch soạn thảo Thông tư quy định về học bạ số trong cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.	
IV	Phòng GDNN&QLĐT	420					
1	Nâng cấp hệ thống hạ tầng số của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp	300	Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, giúp người dân, học sinh có thể tìm kiếm các ngành, nghề đào tạo phù hợp với bản thân và gia đình	Hạ tầng số của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp	300	Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 12/5/2022 và Kế hoạch số 3921/KH-UBND ngày 17/11/2022	
2	Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số, phương pháp đào tạo mới cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	50	Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực, kỹ năng số cho cán bộ quản lý, giáo viên giáo dục nghề nghiệp, góp phần thực hiện chương trình chuyển đổi số giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	400 người tham gia	50	Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Kế hoạch số 3921/KH-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh Kon Tum	

3	Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên về phát triển các ứng dụng số, học liệu số tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	70	giúp đội ngũ giảng viên, giáo viên nắm vững về các chính sách liên quan đến đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh để vận dụng sáng tạo, phù hợp vào công tác giảng dạy và công tác	200 người tham gia	70	Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 12/5/2022 và Kế hoạch số 3921/KH-UBND ngày 17/11/2022	
V	Phòng QLCLGD&CNTT	8,200					
1	Bảo đảm an toàn thông tin đối với Hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin của Sở GDĐT và các đơn vị trực thuộc	200	Hệ thống thông tin của Sở GDĐT và các đơn vị trực thuộc ngày càng đa dạng, bao gồm: Cơ sở dữ liệu ngành, hệ thống quản lý văn bản điều hành, tuyển sinh trực tuyến, học bạ số, cổng/trang thông tin điện tử, hệ thống hợp tuyển, học liệu số, hồ sơ điện tử và các nền tảng phục vụ chỉ đạo điều hành. Các hệ thống này chứa nhiều dữ liệu quan trọng, trong đó có dữ liệu cá nhân của cán bộ, giáo viên, học sinh; dữ liệu nhạy cảm về quản lý nhà nước; dữ liệu chuyên môn, sổ điểm, kết quả học tập... Việc bảo đảm an toàn thông tin là yêu cầu bắt buộc.	Hệ thống thông tin của Sở GDĐT và của các đơn vị trực thuộc Sở	200	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
2	Xây dựng, nâng cấp hệ thống quản lý văn bản, chứng chỉ.	8000	Hệ thống quản lý văn bản, chứng chỉ thống nhất, hiện đại sẽ giúp lưu trữ và khai thác dữ liệu tập trung; hỗ trợ tra cứu trực tuyến; kết nối với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và Công dịch vụ công; ngăn ngừa gian lận văn bản; hỗ trợ xác minh nhanh chóng cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.	Xây dựng hệ thống văn bản, chứng chỉ: lưu trữ, quản lý, khai thác bằng tốt nghiệp THCS, THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	8000	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa	Kinh phí thực hiện: Theo Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 07/02/2023, kinh phí thực hiện năm 2026 ước tính là 5,000 triệu đồng. Tuy nhiên sau sáp nhập, số lượng hồ sơ văn bản, chứng chỉ cần số

						bản tỉnh Quảng Ngãi.	hóa tăng trên 50%. Do đó, kinh phí thực hiện ước tính là 8,000 triệu đồng.
VI	Phòng GDTX&CTHSSV	1,460					
1	Dự án “Ứng dụng AI trong công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh” giai đoạn 2026-2030	750	- Công tác hướng nghiệp truyền thống chưa khai thác hết tiềm năng của AI. - Thực hiện định hướng ứng dụng công nghệ số vào các lĩnh vực xã hội, đặc biệt là giáo dục. – Dự án giúp nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo an sinh xã hội thông qua việc hướng nghiệp, phân luồng học sinh hiệu quả hơn.	- Thí điểm tại các trường THCS và THPT, cơ sở GDTX tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2026-2030 - Xây dựng hệ thống AI phân tích dữ liệu học tập, sở thích - Tích hợp hệ thống quản lý giáo dục.	750	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Kế hoạch số 820/KH-SKHCN ngày 13/8/2025. - “Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ số vào giáo dục để nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội.” tại Mục I.7, Định hướng kế hoạch KH, CN, ĐMST&CDS năm 2026, Báo cáo số 47 /BC-UBND Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 8 năm 2025.	
2	Dự án “Ứng dụng AI trong công tác tư vấn tâm lý học sinh trong các trường phổ thông”	350	- Tình trạng căng thẳng học đường, vấn đề tâm lý học sinh gia tăng. - Đội ngũ cán bộ tư vấn tâm lý còn hạn chế. - Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội thông qua việc hỗ trợ kịp thời các vấn đề tâm lý học đường. Ứng dụng AI giúp cung cấp dịch vụ tư vấn tức thời, 24/7, khắc phục tình trạng thiếu nhân sự tâm lý học đường tại các trường.	- Thí điểm Chatbot tư vấn tâm lý tại một số trường phổ thông. - Xây dựng CSDL câu hỏi, kịch bản tư vấn. – Đào tạo cán bộ, giáo viên.	350	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Kế hoạch số 820/KH-SKHCN ngày 13/8/2025. - “Chú trọng triển khai các đề tài, dự án ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục và xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế.” Mục I.7, Định hướng kế hoạch KH, CN, ĐMST&CDS năm 2026 tại Báo cáo số 47 /BC-UBND Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 8 năm 2025.	

3	Ứng dụng Chatbot hỗ trợ công dân trong TTHC cấp phép hoạt động cơ sở giáo dục thường xuyên khác	100	- Đề thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. - Việc ứng dụng Chatbot (trợ lý ảo sử dụng AI) là giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người dân thực hiện TTHC	- Xây dựng Chatbot trên Cổng dịch vụ công hoặc website Sở. - Phạm vi TTHC cấp phép GDTX. - Trả lời tự động câu hỏi, hướng dẫn điền biểu mẫu.	100	- “Ưu tiên thực hiện toàn trình trên môi trường điện tử các hoạt động cung cấp dịch vụ công” tại Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 (Điều 6.1). - “Tăng cường ứng dụng trợ lý ảo sử dụng trí tuệ nhân tạo” tại Công điện số 111/CĐ-TTg ngày 17/7/2025 (Mục IV.5.c). - Thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến việc thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm GDTX khác theo lộ trình theo Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 26/8/2025 (Mục III, TTHC 1.a; Lộ trình 2025 – 2026).	
4	Tập huấn sử dụng AI cho đội ngũ CBQL, giáo viên TT GDTX và TTHCTĐ	50	- Ứng dụng AI trong giáo dục là xu thế tất yếu nhưng đội ngũ CBQL, giáo viên, cán bộ phụ trách tại các TTHTCĐ còn thiếu kiến thức và kỹ năng. - Để nâng cao kỹ năng số và năng lực vận hành các hệ thống thông tin và nghiệp vụ mới. Là một trong các nội dung đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin	- Tổ chức lớp tập huấn cơ bản về AI và ứng dụng trong giáo dục. - Đối tượng: CBQL, giáo viên TT GDTX và TTHCTĐ. - Nội dung: Giới thiệu AI, công cụ AI hỗ trợ giảng dạy, quản lý.	50	- Công văn số 3127/ BT-TTTCĐSQG ngày 31/7/2024 về Tăng cường hiệu quả quản lý đầu tư ứng dụng CNTT phục vụ CDS năm 2024): Mục 4 yêu cầu Bộ, ngành, địa phương quan tâm, chú trọng nâng cao trình độ, năng lực của lãnh đạo quản lý, cán bộ trực tiếp làm công tác đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số và đơn đốc, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số - Báo cáo Kế hoạch và dự toán ngân sách KH, CN, ĐMST&CDS tỉnh Quảng Ngãi năm 2026 (Số 47/BC-UBND): Mục I.9 yêu cầu Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý KH, CN, ĐMST&CDS để thực hiện tốt chức	

						năng quản lý nhà nước. - “Tổ chức các đợt tập huấn về kỹ năng số, vận hành các hệ thống thông tin và nghiệp vụ mới cho cán bộ cấp xã.” Theo Công điện số 111/CĐ-TTg ngày 17/7/2025 (Mục IV.1). - Quy định hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên môi trường điện tử. Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 26/8/2025 (Mục B.3.a).	
5	Bình dân học vụ số	210					
5.1	Tổ chức Chiến dịch Tuyên truyền Nâng cao Nhận thức về Chuyển đổi số và Kỹ năng số cho Cộng đồng	50	- Nhận thức về chuyển đổi số và tầm quan trọng của kỹ năng số trong cộng đồng còn chưa đồng đều.	- Tổ chức Hội nghị, tập huấn - Sử dụng kênh truyền thông đa dạng (báo chí, đài, TV, mạng xã hội).	50	“Đẩy mạnh thực hiện tiến trình chuyển đổi số trên trụ cột xã hội số.” tại Báo cáo Kế hoạch và dự toán ngân sách KH, CN, ĐMST&CDS tỉnh Quảng Ngãi năm 2026 (Mục I.2, Báo cáo số 47 /BC-UBND Quảng Ngãi, ngày 31/8/2025). “Nâng cao hiệu quả hoạt động của các “Tổ Công nghệ số cộng đồng” theo chỉ đạo tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, thực hiện “cầm tay chỉ việc”, hỗ trợ người dân tại cơ sở” theo Công điện số 111/CĐ-TTg ngày 17/7/2025 (Mục IV.5.c).	
5.2	Triển khai Chương trình “Học từ Làm thực tế” kết hợp Phổ cập Kỹ năng số Cộng đồng	100	- Học viên GDTX thường cần các kỹ năng thực tế, gắn với việc làm. Việc kết hợp học và làm, đồng thời phổ cập kỹ năng số sẽ mang lại hiệu quả kép.	- Xây dựng khóa học ngắn hạn, thực hành về kỹ năng số. - Kết hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất	100	- KH 587/KH-SGDĐT ngày 30/06/2025Th thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” năm 2025. - III.2, KH 953/KH-BGDDĐT ngày 10/7/2025	

				kinh doanh tạo cơ hội thực tập. - Triển khai tại các TT GDTX và TTHCTĐ.			
5.3	Tổ chức Chương trình Đào tạo Kỹ năng số Nâng cao cho Sinh viên Cao đẳng, Đại học	60	Sinh viên cao đẳng, đại học có kiến thức cơ bản nhưng kỹ năng số nâng cao còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thị trường lao động 4.0.	- Mở khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ năng số. - Đối tượng: Sinh viên các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh.	60	Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Bình dân học vụ số” của ngành Giáo dục (Số 953/KH-BGDDT), (Mục II.5); Kế hoạch Thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” năm 2025 (Số 587/KH-SGDDT), (Mục II.4, II.6). - Các trường đại học, cao đẳng triển khai đào tạo cho sinh viên theo mục tiêu Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản tại Phụ lục I.2 (Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản cho học sinh, sinh viên) và Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 Quy định khung năng lực số dành cho người học	
VII	Nhiệm vụ bổ sung	170					
1	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia	170	Việc tập huấn, bồi dưỡng kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và kỹ năng số là cần thiết, cấp bách để đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục hiện đại; triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số; nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên	Tổ chức tập huấn cho công chức, viên chức tại các cơ sở giáo dục, phòng văn hóa xã hội các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, phân thành 17 lớp (05 lớp cho giáo dục	170	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”. - Quyết định số 2962/QĐ-BGDĐT ngày 24/10/2025 của Bộ GDĐT về	

				mầm non; 05 lớp cho giáo dục tiểu học; 05 lớp cho giáo dục THCS; 02 lớp cho giáo dục THPT và giáo dục thường xuyên). Trong đó, mỗi lớp tập huấn, gồm: 60 học viên/lớp; 02 ngày/lớp; 10 triệu đồng/lớp.		việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia. - Công văn số 7165/BGDĐT-GDPT ngày 06/11/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giới thiệu Tài liệu hướng dẫn chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông.	
--	--	--	--	--	--	--	--